

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 15-8-2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Ngọc Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tất Bấy.

Bà Lý Thị Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Minh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quang Ninh, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 193/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Giáp Văn O, sinh năm 1987; trú tại thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 25-4-2022, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Giáp Văn O trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 04-01-2010. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, ban đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau

trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình đến năm 2021 thì mâu thuẫn càng tăng nên chị Đ đã bỏ về nhà ngoại tại thôn K, xã T sống ly thân anh từ đầu năm 2022 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị Đ.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Giáp Minh H, sinh ngày 11-10-2010 và Giáp Duy M, sinh ngày 11-9-2013, hiện các con chung đang sống cùng anh. Nay ly hôn, anh xin nhận nuôi hai con chung và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị Đ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, chị Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Chị và anh Giáp Văn O kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 04-01-2010. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc mặc dù được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh Giáp Văn O xin ly hôn, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị đồng ý ly hôn anh O.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Giáp Minh H, sinh ngày 11-10-2010 và Giáp Duy M, sinh ngày 11-9-2013. Hiện hai con chung đang ở cùng anh O. Nay ly hôn, chị nhất trí để con chung cho anh Giáp Văn O trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh O không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16-6-2022, cháu Giáp Duy M và cháu Giáp Minh H đều trình bày ý kiến: Hiện các cháu đang sống cùng bố O tại thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Việc bố mẹ cháu ly hôn thì cháu không biết nguyên nhân mâu thuẫn, cháu muốn bố mẹ chung sống cùng nhau, nếu bố mẹ không sống cùng nhau nữa thì các cháu cùng có nguyện vọng được sống cùng bố Giáp Văn O.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Giáp Văn O giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị Đ và xin nhận nuôi con chung của vợ chồng. Bị đơn chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của chị Đ tại phiên tòa, anh O không có ý kiến gì về lời trình bày của chị Đ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Giáp Văn O được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ.

Về con chung: Giao anh Giáp Văn O là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung của vợ chồng là Giáp Minh H, sinh ngày 11-10-2010 và Giáp Duy M, sinh ngày 11-9-2013.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ: Anh Giáp Văn O trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Giáp Văn O phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Giáp Văn O có đơn xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Đ. Bị đơn chị Nguyễn Thị Đ có hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Đ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Anh Giáp Văn O kết hôn với chị Nguyễn Thị Đ trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 01 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh chị chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên hay xảy ra tranh cãi, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

[4] Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của anh Giáp Văn O và chị Nguyễn Thị Đ là hợp pháp. Hiện nay anh Giáp Văn O và chị Nguyễn Thị Đ không còn sống chung cùng nhau, không ai quan tâm đến ai. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy,

tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả anh Giáp Văn O và chị Nguyễn Thị Đ đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Giáp Văn O và chị Nguyễn Thị Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Giáp Văn O được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ.

[5] Về con chung: Anh Giáp Văn O và chị Nguyễn Thị Đ có hai con chung là Giáp Minh H, sinh ngày 11-10-2010 và Giáp Duy M, sinh ngày 11-9-2013. Hội đồng xét xử xét thấy: Các con chung đang sống ổn định cùng anh Giáp Văn O, các cháu phát triển bình thường, khỏe mạnh. Anh Giáp Văn O có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng các con chung của vợ chồng. Chị Nguyễn Thị Đ cũng nhất trí để con chung cho anh Giáp Văn O tiếp tục nuôi dưỡng. Các con chung đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng anh O. Do đó cần chấp nhận nguyện vọng của các đương sự cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung là Giáp Minh H, sinh ngày 11-10-2010 và Giáp Duy M, sinh ngày 11-9-2013 cho anh Giáp Văn O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Giáp Văn O không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Anh Giáp Văn O, chị Nguyễn Thị Đ đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Giáp Văn O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Giáp Văn O.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Giáp Văn O được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Giáp Minh H, sinh ngày 11-10-2010 và Giáp Duy M, sinh ngày 11-9-2013 cho anh Giáp Văn O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Giáp Văn O không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Anh Giáp Văn O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010782 ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Giáp Văn O đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Giáp Văn O được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Đ không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Lương Thị Ngọc Hà**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lương Thị Ngọc Hà**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã T, huyện L,  
tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lương Thị Ngọc Hà**